

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 15-6-2018

Về việc “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Thị Phụng

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Trọng Tính

Ông Phạm Văn Khuyến

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Quang Thế - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 24/2018/QĐXX-ST ngày 30 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Yến C, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Bị đơn: Ông Dương H, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh BP

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 3 năm 2018, bản tự khai, nguyên đơn bà Trần Thị Yến C trình bày:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Dương H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B (cũ) nay là huyện P vào ngày 09/5/2012.

Trong thời kỳ hôn nhân, bà và ông H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống về mọi việc. Ông H hay chửi mắng, có lời lẽ xúc phạm, gây cho bà nhiều tổn thương về mặt tâm lý. Đặc biệt, trong cuộc sống vợ chồng, do không thể đáp ứng nhu cầu sinh lý của ông H dẫn đến vợ chồng không hòa hợp, ức chế về tâm lý. Từ năm 2014 cho đến nay, bà và ông H bà đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai.

Do tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể hòa hợp được nên bà khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện P giải quyết cho bà được ly hôn với ông Dương H.

[2] *Về con chung*: Bà và ông H chưa có con chung.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Dương H trình bày:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Chinh về việc đăng ký kết hôn, thời gian đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng ông không xảy ra mâu thuẫn. Ông và bà C đã sống ly thân từ tháng 04/2014 đến nay.

Trước yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà C, ông không đồng ý ly hôn vì ông là người theo Đạo, quy định của luật Đạo không cho phép ly hôn.

[2] *Về con chung*: Ông và bà C chưa có con chung.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh B phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ nhận thấy bà C và ông H đã phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 4/2014 cho đến nay. Theo biên bản xác minh tại chính quyền địa phương xác nhận ông H, bà C đã sống ly thân từ tháng 4/2014, không ai quan tâm đến ai nên việc yêu cầu ly hôn của bà C với ông H là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà C với ông Dương H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng*:

Bà Dương Thị Yến C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Dương H có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn T, xã B, huyện P, tỉnh BP, Tòa án nhân dân huyện P xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn” và căn cứ vào các Điều 28; 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn bà Dương Thị Yến C và bị đơn ông Dương H có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[a] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà C, ông H được hình thành trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 09/5/2012 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện BGM (cũ) nay là huyện P, là hôn nhân hợp pháp.

Bà C trình bày, trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, không hòa hợp trong vấn đề sinh lý dẫn đến việc ông H hay có lời lẽ xúc phạm, gây ức chế về tâm lý cho bà. Từ năm 2014 đến nay, vợ chồng bà đã ly thân, không ai quan tâm đến ai, không có khả năng đoàn tụ để chung sống hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Bị đơn ông Dương H cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn nhưng xác nhận đã sống ly thân từ tháng 4/2014 đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Dương Thị Yến C, Hội đồng xét xử nhận định: Ông Dương H không thừa nhận những mâu thuẫn vợ chồng như lời trình bày của bà C đồng thời xác nhận từ tháng 4/2014 cho đến nay đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Qua xác minh tại chính quyền địa phương xác định được trong cuộc sống hôn nhân, ông H, bà C có mâu thuẫn còn nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương không nắm rõ, từ năm 2014 cho đến nay ông H, bà C đã sống ly thân. Xét thấy ông H và bà C đã có khoảng thời gian dài sống ly thân (từ tháng 4/2014 đến nay), không còn quan tâm, chăm sóc nhau, không đảm bảo các quyền và nghĩa vụ của vợ chồng đồng thời cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng để về chung sống hạnh phúc. Nguyên nhân ông H không đồng ý ly hôn với bà C là do luật đạo mà ông H tham gia không cho phép ly hôn là không phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy, hôn nhân của ông H, bà C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Trần Thị Yến C.

[b] Về con chung: Các đương sự chưa có con chung.

[c] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Yến C phải chịu 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 51; 53; 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Yến C.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Yến C được ly hôn với ông Dương H.

[2] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trần Thị Yến C phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 026321 ngày 20/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh BP.

[3] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị Yến C và bị đơn ông Dương H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện PR;
- THADS huyện PR;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Thị Phụng

